CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Tư vấn thiết kế và Phát triển đô thị

Ngày 31/03/2025	1,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**-5.3%**	**20.0%**

DT thuần *Q1/25*
5.52 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 0.01| 0.1%
YoY: ▼0.23| -4.1%

LN thuần *Q1/25*
-0.22 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼2.33| -110%
YoY: ▲ 0.65| 74.9%

LN sau thuế *Q1/25*
-0.22 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼2.33| -110%
YoY: ▲ 0.74| 77.3%

Tỷ suất lãi EBIT *Q1/25*
-4.0%
YoY: +/-▼ 42.3%

ROE (TTM) *Q1/25*
-0.5%
YoY: +/-▲ 0.4%

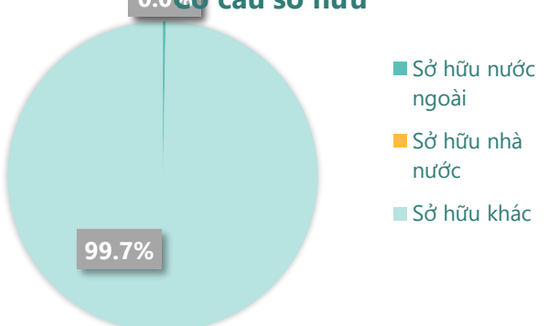
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,300 - 2,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	57
Số lượng CPLH (CP)	31,504,975
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,205
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.41
EPS	-36
P/E	-50.0

DT thuần *2024*
22.2 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 0.50| 2.2%

LN thuần *2024*
-1.84 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 8.86| 82.8%

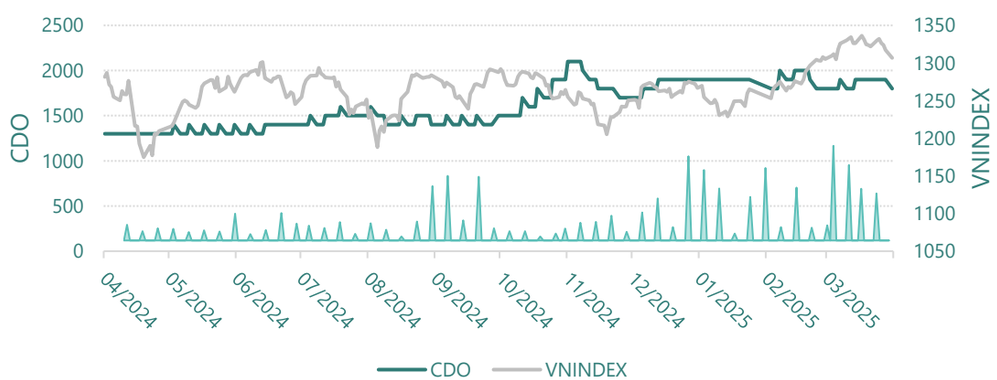
LN sau thuế *2024*
-1.93 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 8.87| 82.2%

Cơ cấu sở hữu

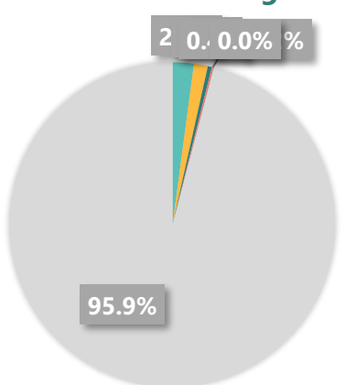


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



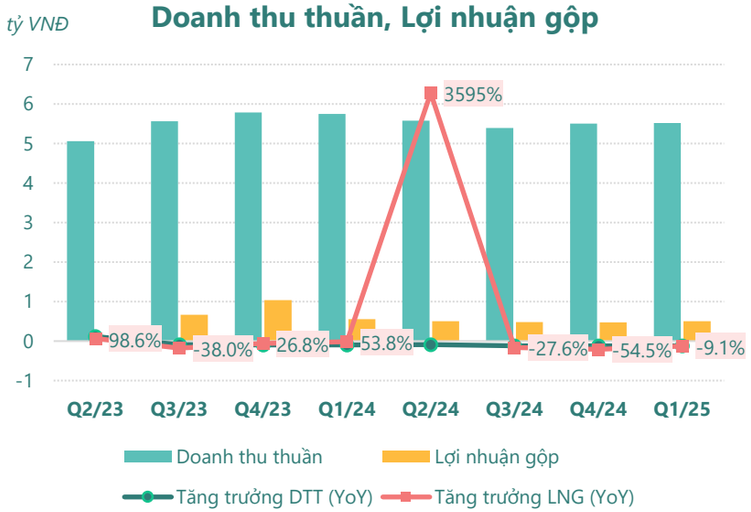
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

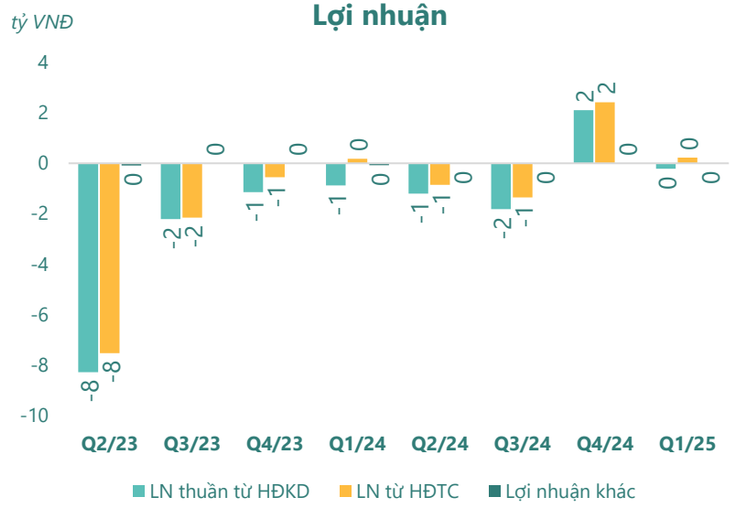
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



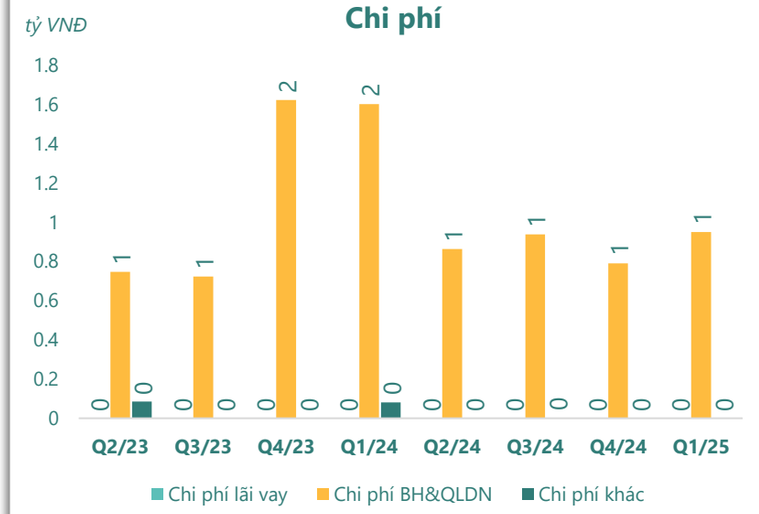
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



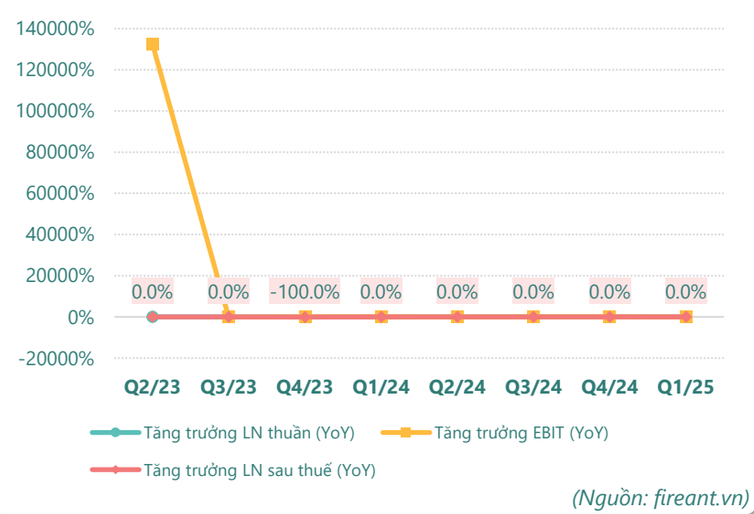
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



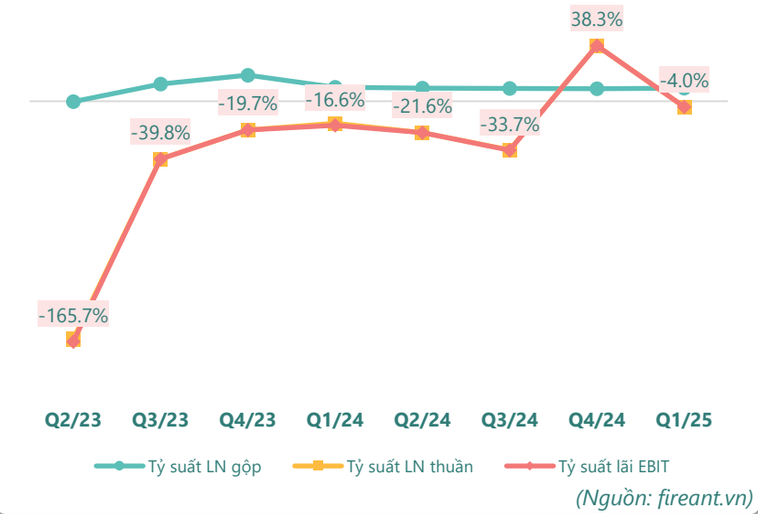
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



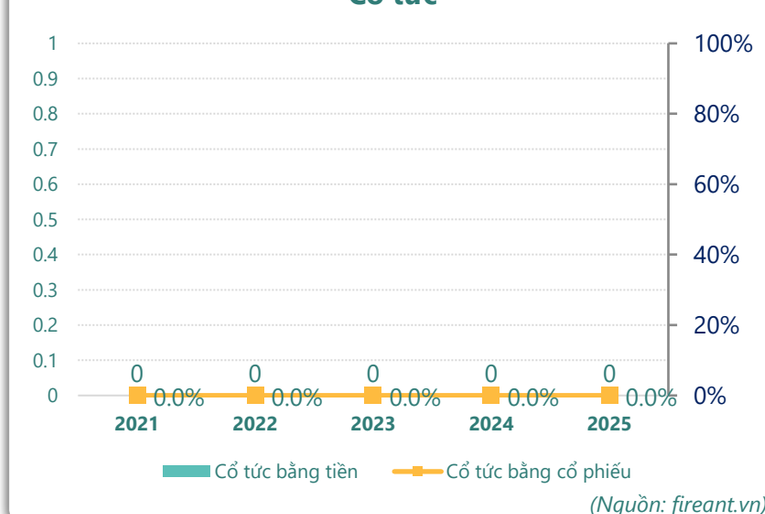
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

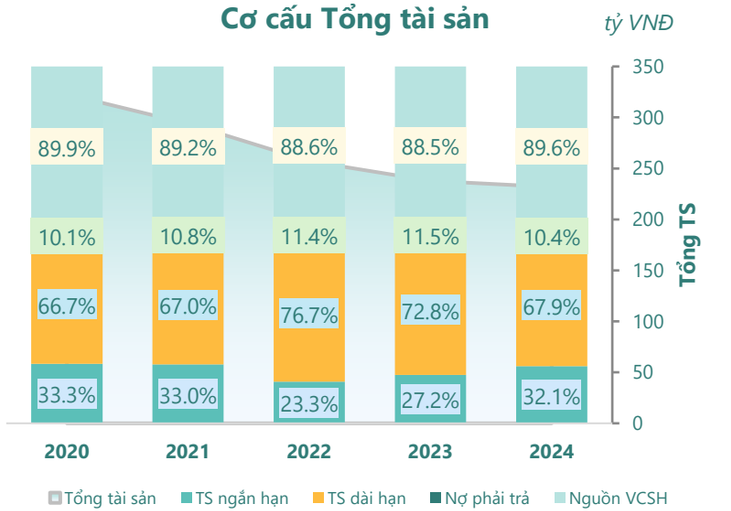
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

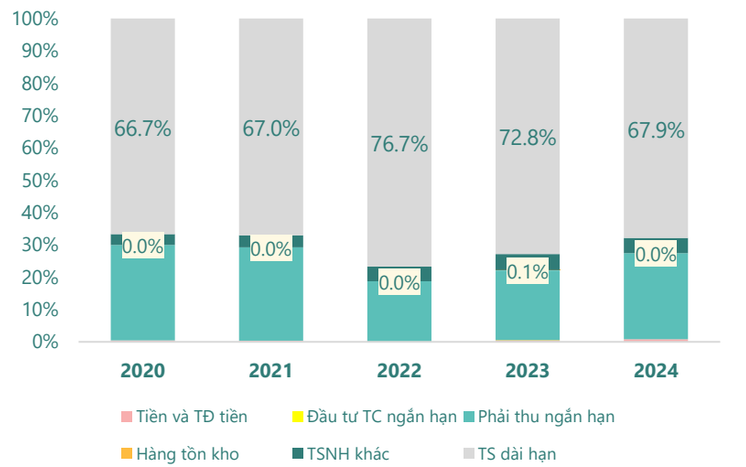
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



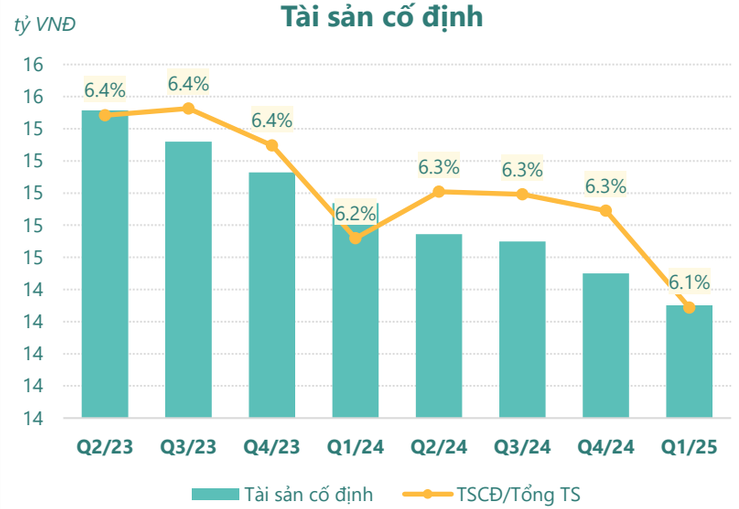
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



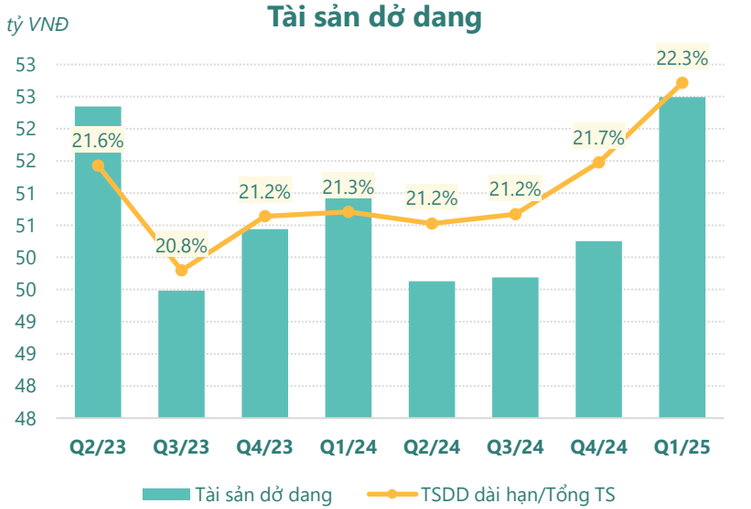
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



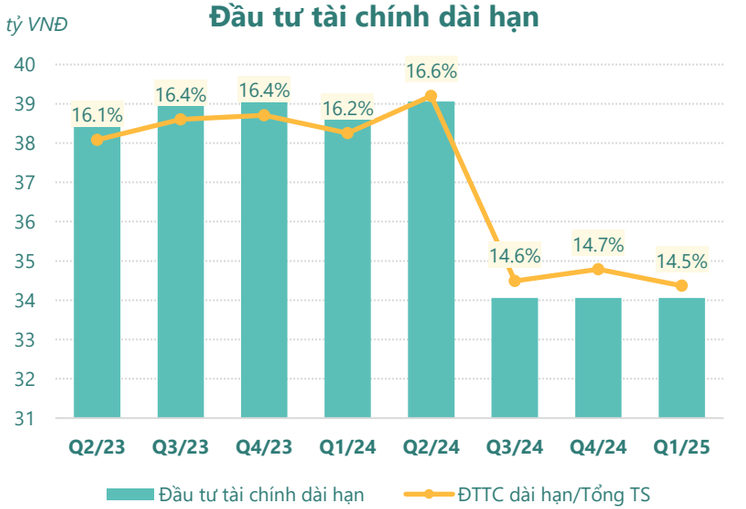
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



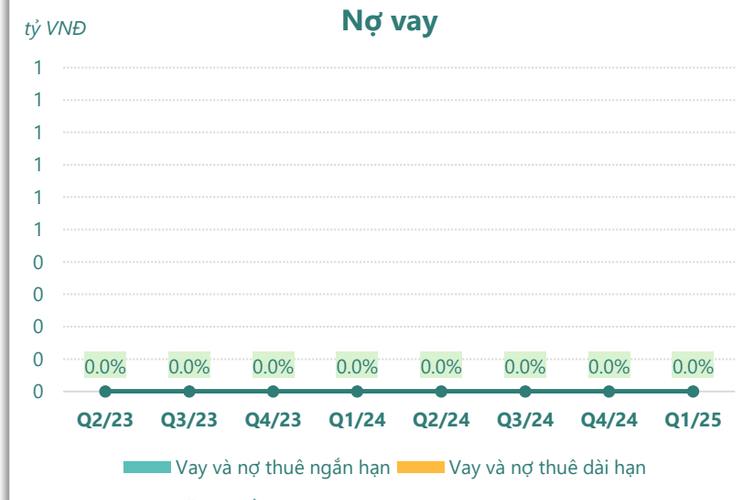
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

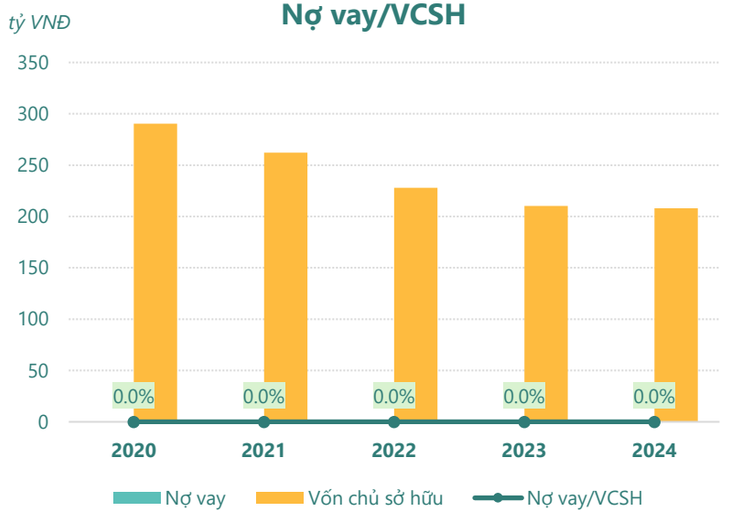
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

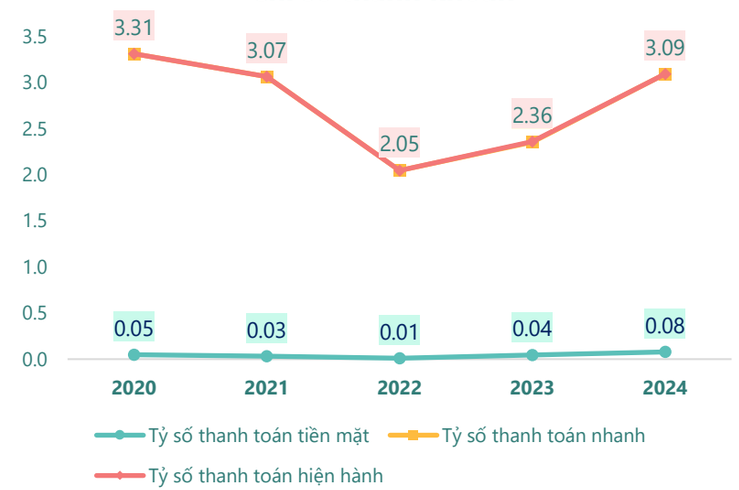
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



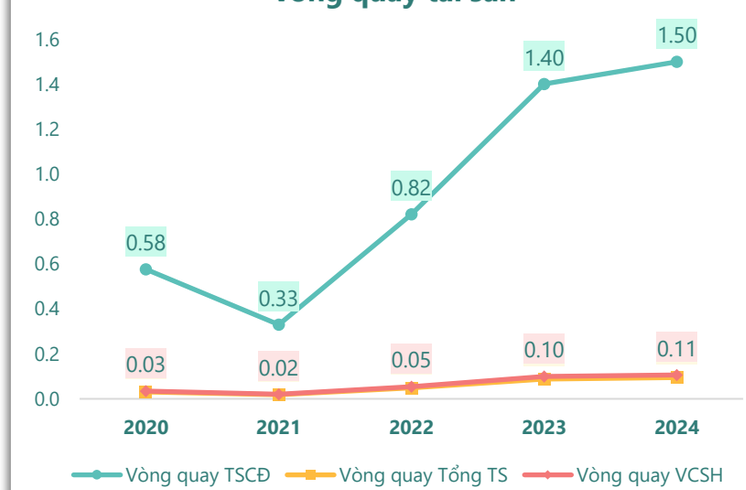
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



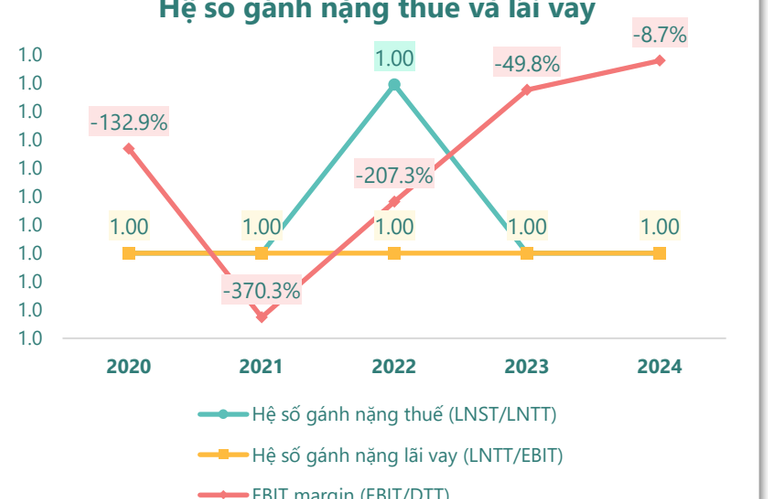
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



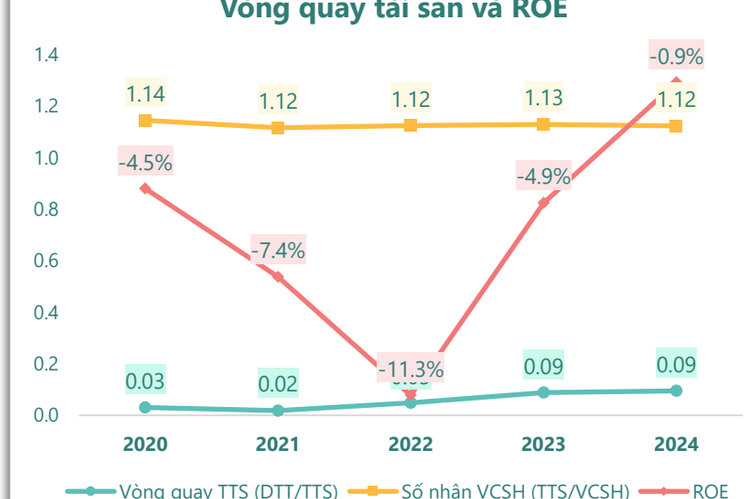
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



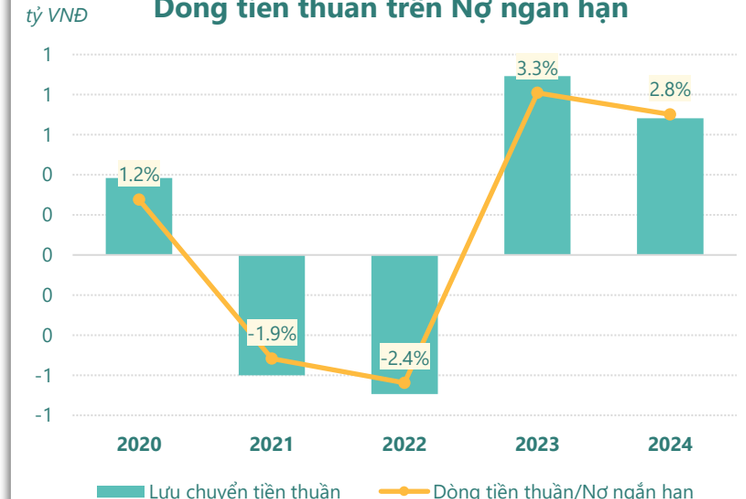
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**5.52**	**5.75**	**-4.1%**	**22.2**	**21.7**	**2.2%**
Giá vốn hàng bán	5.01	5.19	-3.4%	20.2	19.7	2.3%
Lợi nhuận gộp	0.50	0.55	-8.6%	2.08	2.05	1.3%
Doanh thu HĐTC	0.60	1.75	-66.0%	6.08	3.49	74.2%
Chi phí TC	0.37	1.57	-76.7%	5.82	12.5	-53.5%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.95**	**1.60**	**-40.6%**	**4.18**	**3.75**	**11.5%**
LN thuần từ HĐKD	-0.22	-0.87	74.9%	-1.84	-10.7	82.8%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**-0.08**	**99.9%**	**-0.08**	**-0.08**	**0.6%**
LN trước thuế	-0.22	-0.96	77.3%	-1.93	-10.8	82.2%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.22**	**-0.96**	**77.3%**	**-1.93**	**-10.8**	**82.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.22**	**-0.96**	**77.3%**	**-1.94**	**-10.8**	**82.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.91	1.70	-2.80	-3.46	0.07	3.67
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.96	-0.72	1.53	4.94	-0.57	-2.24
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	1.24	1.19	2.18	0.90	2.39	1.89
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.05**	**0.99**	**-1.28**	**1.48**	**-0.50**	**1.43**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.19	2.18	0.90	2.39	1.89	3.31

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**235**	**232**	**1.3%**
Tài sản ngắn hạn	77.8	74.4	4.6%
Tiền và tương đương tiền	3.31	1.89	75.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	63.5	61.6	3.0%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	11.0	10.9	1.2%
Tài sản dài hạn	**157**	**157**	**-0.3%**
Phải thu dài hạn	56.2	58.6	-4.2%
Tài sản cố định	14.3	14.5	-1.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	52.5	50.3	4.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	34.1	34.1	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0.05	0.05	-9.7%
Nợ phải trả	23.5	24.1	-2.5%
Nợ ngắn hạn	**23.5**	**24.1**	**-2.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	5.39	5.39	0.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**211**	**208**	**1.7%**
Vốn chủ sở hữu	**211**	**208**	**1.7%**
Vốn điều lệ	315	315	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)